

Thanh Hóa, ngày 04 tháng 02 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các điều 299, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323, 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 100 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024.

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 27 tháng 01 năm 2026 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 181/2025/TLST-DS ngày 24 tháng 11 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Công ty cổ phần M1.

Địa chỉ: Số B T, phường Y, TP ..

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Anh T, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Huy M, chức vụ: Giám đốc trung tâm xử lý nợ.

Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Văn D, chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ.

2. Ngân hàng TMCP V (V1).

Địa chỉ: Số H L, phường Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D1, chức vụ: Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Như G, chức vụ: Trưởng phòng Xử lý nợ pháp lý Tích hợp 2 - Khởi thu hồi và xử lý nợ.

Người được ủy quyền lại: Ông Hà Văn T1, chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ.

- *Bị đơn:*

1. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1985.

2. Bà Lê Thị L, sinh năm: 1988.

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã Y, tỉnh Thanh Hóa.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về yêu cầu trả nợ:

Ngân hàng TMCP V (V1) cho vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ và bà Lê Thị L vay số tiền là 1.120.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số: LN2201175101632 ngày 27/01/2022. Sau khi vay tiền, vợ chồng ông Đ và bà L đã trả cho V1 được số tiền là 106.504.254 đồng (trong đó tiền gốc là 45.909 đồng, tiền lãi là 106.458.345 đồng), vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 15/02/2024.

Ngày 29/06/2024, V1 bán cho Công ty cổ Phần M1 (M1) một phần (90%) khoản nợ phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số: LN2201175101632 ngày 27/01/2022.

Jupiter và V1 yêu cầu vợ chồng ông Đ và bà L phải thanh toán tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 27/01/2026 là 1.620.198.174 đồng (*Một tỷ sáu trăm hai mươi triệu một trăm chín mươi tám nghìn một trăm bảy mươi tư đồng*); trong đó: Nợ gốc: 1.119.954.091 đồng, nợ lãi và lãi chậm trả là 500.244.083 đồng). Yêu cầu cụ thể:

+ Yêu cầu phải thanh toán cho J tổng số tiền tạm tính đến ngày 27/01/2026 là 1.458.178.357 đồng (trong đó: Nợ gốc là 1.007.958.682 đồng, nợ lãi và lãi chậm trả là 450.219.675 đồng).

+ Yêu cầu phải thanh toán cho V1 tổng số tiền tạm tính đến ngày 27/01/2026 là 162.019.817 đồng (trong đó: Nợ gốc: 111.995.409 đồng, nợ lãi và lãi chậm trả: 50.024.408 đồng).

Yêu cầu vợ chồng ông Đ và bà L tiếp tục phải trả lãi phát sinh từ ngày 28/01/2026 theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến ngày ông Đ và bà L thực tế thanh toán hết nợ cho J và V1.

Ông Đ và bà L chấp nhận trả nợ theo yêu cầu của J và V1.

2.2. Về phương án trả nợ:

Vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ và bà Lê Thị L có nghĩa vụ thanh toán cho J và V1 tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 27/01/2026 là 1.620.198.174 đồng (*Một tỷ sáu trăm hai mươi triệu một trăm chín mươi tám nghìn một trăm bảy mươi tư đồng*), trong đó: Thanh toán cho J số tiền là 1.458.178.357 đồng, thanh toán cho V1 số tiền là 162.019.817 đồng; đồng thời phải thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày 28/01/2026 cho đến khi thực tế thanh toán hết nợ, theo lãi suất các bên đã

thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng. Lãi phát sinh phải trả cho J và V1 tương ứng với tỷ lệ sở hữu của mỗi bên đối với từng khoản nợ. Thời hạn trả nợ: Chậm nhất là ngày 15/3/2026.

2.3. Về xử lý vi phạm:

Trường hợp vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ và bà Lê Thị L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì J và V1 có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự kê biên, phát mại tài sản thế chấp để thu hồi toàn bộ khoản nợ, bao gồm: Toàn bộ quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 1335, tờ bản đồ số 26, địa chỉ: Thôn N, xã Y, tỉnh Thanh Hóa, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CĐ 981403, Sổ vào sổ cấp GCN: CH 00054 do UBND huyện Y, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 20/03/2017, đứng tên ông Nguyễn Văn Đ và bà Lê Thị L. Theo Hợp đồng thế chấp số LN2201175101632, số công chứng: 1225; Quyền số: 01/2022 TP/CC-SCC-HĐGD do Văn phòng C chứng nhận ngày 25/01/2022.

2.4. Về án phí:

Vợ chồng Nguyễn Văn Đ và bà Lê Thị L phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 30.303.000 đồng (*Ba mươi triệu ba trăm lẻ ba nghìn đồng*).

Trả lại cho Công ty cổ phần M1 và Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 30.499.000 đồng (*Ba mươi triệu bốn trăm chín mươi chín nghìn đồng*), theo biên lai thu số 0003296 ngày 21/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND khu vực 8 - Thanh Hóa;
- THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Dung